

Số: 08/2020/QĐST-HNGĐ

N, ngày 23 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Tòng Thị T**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Đội 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh **Thùng Văn V**, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Tòng Thị T và anh Thùng Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Tòng Thị T và anh Thùng Văn V thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị Tòng Thị T và anh Thùng Văn V có 01 con chung chưa thành niên là cháu Thùng Thị Tú K (Sinh ngày: 21/12/2018). Chị Tòng Thị T trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng con chung Thùng Thị Tú K cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về phần cấp dưỡng nuôi con chung chị Tòng Thị T không yêu cầu anh Thùng Văn V cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Thủy và anh Ven tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

Căn cứ Khoản 3, Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì chị Tòng Thị T và anh Thùng Văn V mỗi người phải chịu 75.000 đ án phí DSST. Chị Thủy tự nguyện chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số AA/2010/08416 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên. Chị Tòng Thị T đã nộp đủ án phí DSST và được trả lại số tiền 150.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện N;
- VKSND huyện N;
- UBND xã N (Nơi đương sự DKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Huân